TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-8-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26-8-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị NTH; địa chỉ: Số 3/76 Tổ 42, phường A, thành phố B, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh TQH; đia chỉ: Số 36B C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03-12-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTH trình bày:

Chị NTH và anh TQH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng từ ngày 03-6-2011. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, đã rất nhiều lần xảy ra cãi vã, cuốc sống chung giữa vợ chồng rất mệt mỏi. Chị NTH đã sống ly thân với anh

TQH từ năm 2012 cho đến nay. Vì vậy, chị NTH đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với anh TQH.

Về con chung: Có 01 con chung là F, sinh ngày 13-8-2011. Cháu F đang sống cùng chị NTH, do chị NTH chăm sóc, nuôi dưỡng, nên chị NTH đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị NTH sẽ gặp anh TQH để thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh TQH đến Tòa án để trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh TQH đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, anh TQH được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, chị NTH và anh TQH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường D nên hôn nhân này là

hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa chị NTH và anh TQH đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị NTH đề nghị ly hôn với anh TQH. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị NTH ly hôn với anh TQH là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị NTH và anh TQH có 01 con chung là F, sinh ngày 13-8-2011. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; hiện tại con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng mẹ là chị NTH. Thấy rằng, việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung F, sinh ngày 13-8-2011 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị NTH đề nghị tự thỏa thuận với anh TQH, anh TQH cũng không có ý kiến gì về vấn đề này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì về vấn đề này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NTH và anh TQH được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là F, sinh ngày 13-8-2011 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui

định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị NTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0008205, ngày 06-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị NTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường D, E, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền